TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO B** **TỈNH CAO B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14/2023/QĐST- HNGĐ	*Cao B, ngày 24 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số **07/2023/TLST-HNGĐ** ngày 15 tháng 02 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Văn T –** Sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Tổ 08, phường Sông H, thành phố Cao B, tỉnh Cao B.

- *Bị đơn:* **Trương Thị X** – Sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Tổ 08, phường Sông H, thành phố Cao B, tỉnh Cao B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Nguyễn Văn T – Sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Tổ 08, phường Sông H, thành phố Cao B, tỉnh Cao B.

Và Bà Trương Thị X – Sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Tổ 08, phường Sông H, thành phố Cao B, tỉnh Cao B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị X.

- Về con chung: Hai bên đương sự tự nguyện thỏa thuận giao con chung tên: Nguyễn Minh L, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2017 (Giới tính: Nam) cho bà Trương Thị X là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Hàng tháng ông T có trách nhiệm đóng tiền cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 3.000.000 đ (Ba triệu đồng), thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng kể từ tháng 05/2023 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi xét thấy cần thiết.

***- Về tài sản chung*:** Hai bên đương sự xác nhận trong quá trình chung sống không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên đương sự xác nhận trong quá trình chung sống không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị X mỗi người phải chịu 75.000đ *(Bảy mươi năm nghìn đồng)* án phí dân sự về việc thuận tình ly hôn. Ngoài ra ông T còn phải chịu tiền án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000 đ. Ông T tự nguyện nộp thay cho bà X toàn bộ tiền án phí. Tổng cộng

ông T phải nộp 300.000,đ (*Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai số: 0003341 ngày 15/02/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cao B, Cao B. Ông T đã nộp đủ số tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Cao B;
- VKSND TP. Cao B;
- CC THADS TP. Cao B;
- UBND phường Tân Giang, TP. Cao B, tỉnh Cao B;
- Đương sự;
- Lưu án văn
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Hanh